

## 50 NĂM – CÒN ĐÓ NỖI BUỒN

**LTS:** Huỳnh Trường Phạm Tín An Ninh thuộc khoá 18 Trường Bộ Binh Thủ Đức, thời gian này chưa áp dụng chế độ huynh trưởng nên các SVSQ rất thoải mái, mãi đến khoá 25 của tôi mới áp dụng chế độ huynh trưởng, tất cả SVSQ phải triệt để thi hành, đi bộ cũng phải chú ý từ xa, nếu có Huỳnh Trường thì phải chào kính nghiêm minh, hình phạt cho các khoá đàn em bất cứ lúc nào, chỉ lơ đãng là lãnh phạt ngay.

Từ khoá 1 đến khoá 27 trong trường lúc nào cũng có 2 khoá, sau vụ Tết Mậu Thân 1968 có lệnh tổng động viên nên phải gọi thụ huấn ngoài Nha Trang và số khoá được ghép với năm thụ huấn để dễ phân biệt, thí dụ khoá 1/68, 2/68, 5/69, 4/71, 9/72...

Nhiều người không biết, nếu thi rớt là ra hạ sĩ quan, đeo lon trung sĩ.

Khoá 25 SQTĐ, nhập trường tháng 4/1967 ra trường ngày 05/01/1968, chỉ cách Tết Mậu Thân 1968 có 25 ngày, bốn báo lại chọn binh chủng Biệt Động Quân nên đã đánh vc tại Chợ Lớn.

Đọc bài viết của HT/PTAN mà xót xa cho thân phận người quân nhân VNCH.

Germany, 05/6/2025

– Điều Hợp Viên DD Ngôn.Ngữ–Việt,

– Chủ Nhiệm TCDV.

**LÝ TRUNG TÍN**

o0o

**Lời giới thiệu – Phat NGUYEN:** Cám ơn bài viết của ông Phạm tín An Ninh, đọc, mà thấy xót xa quá... Xót cho những người lính VNCH hy sinh cả tuổi trẻ và sinh mạng mà cuối cùng ngay cả nắm mộ cũng chẳng được yên. Một câu nói thấm thía về thế hệ chúng ta qua những việc làm những đau thương đã trải cuối cùng... chẳng là gì hết.

Hắn có một bản “hiệp định Paris” do quốc hội VNCH ấn hành... đọc mà đau như bị ngọn gió chướng tàn độc quất nát mặt... những chiến công của chiến sĩ VNCH phải trả bằng xương máu mới có đã bị cuốn trôi trong cái hiệp định chết tiệt này... đau hơn nữa khi ủy ban hòa bình Nobel vội vã và sai lầm trao giải hòa bình cho Lê đức Thọ và Kissinger đã bị thế giới phản đối... sau đó cũng chính Lê Đức Thọ phải từ chối nhận giải vì mưu đồ của họ là tiếp tục chiến tranh để đi đến cuộc tổng công kích chứ với họ đâu có chữ hòa bình mà dám nhận.

Trong bài thơ “**Xin Lỗi Tháng Tư!**” của cán binh Bình Ngọc:

.....

Nhưng! Ba mươi tám năm sau con vô cùng thất vọng!

Không hiểu mình đi Giải phóng cho ai?

Chễm chệ trên cao, toàn những kẻ bắt tài!

Đáy xã hội, nhiều “dân oan!” mất đất.

.....

Vào những năm cuối thập niên 1960, trong tác phẩm “thơ xuân” của Tổng cục Chiến tranh chính trị phát hành, nhà thơ Du tử Lê có cho hẳn một quyển, trong đó có in bài thơ của một chiến binh miền bắc, bài thơ đã được in thành truyền đơn trên mặt sau tờ giấy bạc 5 đồng để tuyên truyền kêu gọi cán binh miền bắc bỏ ngũ và đây được xem như giấy thông hành khi về hồi chánh, hẳn cũng nhận được vài tờ.

.....

Đã qua buổi ban đầu bờ ngõ.  
Con nhìn ra nào giải phóng gì đâu?  
Buổi chợ đông vui, đồng lúa xanh màu  
Mái chùa cong buông hồi chuông tín mõ...

Lớp học tung bừng những đàn trẻ nhỏ  
Đang nhịp nhàng vui hát bản đồng ca.  
Và sau vườn luống cải đã vàng hoa  
Đàn bướm nhỏ rủ nhau về hút mật.

Xóm dưới làng trên niềm vui ngây ngất  
Sao người ta bắt con phải đốt xóm phá làng.

.....

**(Dưới đây là bài thơ nguyên thủy do một Tử sĩ bộ đội Bắc Việt sáng tác):**

## TỪ BUỔI CON LÊN ĐƯỜNG XA MẸ

“Từ buổi con lên đường xa mẹ  
Theo anh em sang Lào rồi dần bước vào Trung.  
Non xanh núi biếc chập chùng  
Sớm nắng biển, chiều mưa rừng gian khổ.

Tuổi thanh xuân cuộc đời như hoa nở  
Vì hòa bình đâu ngại bước gian nguy.  
Mấy tháng trời, ngày nghỉ đêm đi  
Giày vệt gót áo sờn vai thấm lạnh.

Có những chiều Trường Sơn núi rừng cô quạnh  
Mẹ hiền ơi con nhớ nhớ quê mình.  
Khỏi lam chiều, giàn mướp lá lên xanh  
Con bướm nhỏ mái đình xưa, ôi nhớ quá!

Vào nơi đây tuy đất người xa lạ  
Nhưng miền Nam vẫn cùng một quê hương.  
Vẫn hàng dừa xanh, vẫn những con đường  
Vẫn hương lúa ngọt ngào.  
Tiếng tiêu gọi nhớ  
Con trâu về chuồng

Đã qua buổi ban đầu bờ ngõ.  
Con nhìn ra nào giải phóng gì đâu?  
Buổi chợ đông vui, đồng lúa xanh màu

*Mái chùa cong buông hồi chuông tín mộ...*

*Lớp học tung bừng những đàn trẻ nhỏ  
Đang nhịp nhàng vui hát bản đồng ca.  
Và sau vườn luống cải đã vàng hoa  
Đàn bướm nhỏ rủ nhau về hút mật.*

*Xóm dưới làng trên niềm vui ngây ngất  
Sao người ta bắt con phải đốt xóm phá làng.*

*Phải gài mìn gieo tang tóc thương đau  
Đã nhiều lần tay con run rẩy.  
Khi gài mìn để phút sau bỗng thấy  
Xác người tung và máu đỏ chan hoà.*

*Máu của ai  
Máu của bà con ta  
Máu của người như con như mẹ.*

*Đêm hôm ấy mắt con tràn lệ  
Ác mộng về, con trần trọc thâu canh.”*

*“Thế hệ chúng ta, qua những việc đã làm, những đau thương đã trải... thực sự là gì, hoặc chẳng là gì hết?”. –ARA*



**Ngày 24/2/2025** tại Đại Hội Đồng LHQ, Hoa Kỳ đã quay lưng trước đồng minh NATO cùng hầu hết các quốc gia thuộc thế giới tự do, chính thức đứng về phía Nga, Iran, Bắc Hàn, và những nước thân CS, bỏ phiếu chống lại nghị quyết lên án Nga gây chiến tranh xâm lược Ukraine, nhân dịp thế giới kỷ niệm 3 năm ngày Vladimir Putin xua quân vào lãnh thổ Ukraine. Sau đó, cả thế giới lại bàng hoàng, khi vị Tổng thống thứ 47 của Hoa Kỳ đã tỏ ra thân thiện với kẻ thù Nga, ca ngợi, bênh vực tên đồ tể Putin trong khi hết lời mạt sát, nhục mạ TT Zelensky, người đồng cấp, từng là đồng minh thân tín của Hoa Kỳ. Đã vậy, Tổng thống Mỹ còn đòi phải được khai thác khoáng sản, đất quý, tài sản quốc gia của Ukraine để trừ vào số tiền viện trợ trước đây. Có lẽ đây là nguyên nhân tiềm ẩn đưa đến cuộc tranh luận gay gắt, trở thành trận cãi vã nặng nề ngay tại Tòa Bạch Ốc, giữa TT Zelensky của Ukraine và TT D.Trump cùng PTT J.D. Vance của Hoa Kỳ vào ngày 28/2/2025, trước sự chứng kiến của các cơ quan truyền thông hiện diện cùng cả thế giới qua màn ảnh truyền hình. Sau khi “mời” TT Zelensky cùng phái đoàn tùy tùng ra khỏi Phòng Bầu Dục, TT Trump cũng đã quyết định ngưng tức khắc mọi viện trợ quân sự cũng như cung cấp tin tức tình báo, nhằm áp lực Ukraine phải nhanh chóng ngồi vào bàn hội nghị theo sự sắp xếp của Hoa Kỳ. Đến hôm nay, kết quả hội đàm tuy chưa chính thức ngã ngũ, nhưng ai cũng đã nhìn thấy trước số phận của Ukraine!

\*\*\*

Sự kiện này xảy ra đúng vào thời điểm người Việt chuẩn bị tưởng niệm 50 năm, ngày kết thúc cuộc chiến Việt Nam. Chính xác hơn là ngày Miền Nam Việt Nam hay nước VNCH bị CS Bắc Việt cưỡng chiếm, cũng với sự phản bội tương tự của đồng minh Hoa Kỳ, khi Mỹ và Bắc Việt đã cùng bắt tay thỏa thuận ký kết hiệp định mạo danh Hòa Bình vào ngày 27/1/1973 tại Paris, quyết định số phận của VNCH, quốc gia chính trong cuộc chiến nhưng bị áp lực để (gần như) phải đứng bên lề. Trong các cuộc hội đàm, phái đoàn VNCH bị xếp ngồi ngang hàng với (cái gọi là) Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, trong khi ai cũng biết đó chỉ là đám tay sai, con rối do CSBV nặn ra.

Vẫn biết rằng, quyết định của nước lớn đối với đồng minh luôn tùy thuộc vào quyền lợi của chính đất nước họ, tuy nhiên điều đau lòng là cung cách hành xử khi quay lưng, phản bội lại những người từng một thời nhận là bạn, cùng sống chết bên nhau. Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu, ngày 29/4/1975, tại Đài Loan, ngay sau đêm đầu tiên bị áp lực phải rời khỏi nước, khi trả lời cho một đại diện của chính phủ Mỹ, cũng đã lên tiếng trong ngậm ngùi, cay đắng “Làm kẻ thù của Mỹ thì rất dễ, nhưng làm bạn rất khó”.

Ukraine và VNCH bị đồng minh Hoa Kỳ bỏ rơi khi cuộc chiến đấu của hai quốc gia này có cùng một đích: tự vệ, chống lại quân xâm lược. Chỉ khác là trong cùng tình huống này, Ukraine có nhiều may mắn hơn VNCH. Bởi cuộc chiến Việt Nam kéo dài quá lâu, có hơn 58,000 quân nhân Mỹ tử trận, một số khác bị bắt làm tù binh, đẩy phong trào phản chiến tại Hoa Kỳ ngày một dâng cao, đỉnh điểm vào tháng 5/1970, đã có đến 4 triệu sinh viên thanh niên liên tục xuống đường, gây bạo động, một số đã bị cảnh sát bắn chết. Thời điểm này đa số dân chúng Mỹ, qua lưỡng viện quốc Hội, không còn ủng hộ cuộc chiến Việt Nam. Cũng phải thẳng thắn để thừa nhận, trên thực tế quân dân VNCH đã không chiến đấu hết lòng và dũng cảm bằng Ukraine, và các cấp lãnh đạo, đặc biệt vị tổng thống của họ rất xứng đáng. Ngoài ra, Ukraine vẫn còn được đa số dân chúng Mỹ ủng hộ, quan trọng hơn, được Tổ Chức Hiệp Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và gần như toàn bộ Âu Châu luôn hết lòng, sát cánh. Trong khi ở vào thời điểm (trước và sau) Hiệp định Paris ký kết, VNCH gần như cô thân độc mã. Cùng lúc bị Mỹ bỏ rơi, các đồng minh khác như Úc, Nam Hàn, Thái Lan, kể cả Phi Luật Tân cũng đều theo Mỹ, quay lưng!

\*\*\*

Vào thời gian này, đơn vị chúng tôi đang hành quân tảo thanh tại khu vực Kontum – Tây Nguyên, sau khi vừa liên tục tạo các chiến thắng lẫy lừng, đánh tan các lực lượng hùng hậu thuộc Mặt Trận B-3 của tướng CS Hoàng Minh Thảo. Với khẩu hiệu “sinh Bắc tử Nam”, CSBV chuyên áp dụng chiến thuật biến người, đẩy đám bộ đội, đa phần là thanh niên, sinh viên miền Bắc bị cưỡng bách nhập ngũ, như những con thiêu thân lao theo sau các trận địa pháo, để bằng mọi giá phải chiếm được căn cứ Charlie của Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù, mở cánh cửa ngõ xưa chiến xa T-54 với hỏa tiễn tầm nhiệt của Liên Xô, tràn

ngập BTL Tiền Phương SĐ22BB tại Tân Cảnh, chiếm cứ một vùng Bắc Kontum. Sau đó, một lực lượng Cộng quân hùng hậu hơn, gồm Sư Đoàn 320, Sư Đoàn 2 (sau này tăng cường thêm Sư Đoàn 968 từ Lào sang), cùng 4 Trung Đoàn biệt lập 66, 95, 20, 24, Trung Đoàn Đặc công 400, 2 Trung Đoàn Pháo, 6 Tiểu Đoàn Phòng không, và 1 Tiểu Đoàn Tăng T-54... tràn xuống phía Nam nhằm thôn tính thành phố Kontum, trong ý đồ tiến chiếm Pleiku, nơi có bản doanh của BTL/QĐII/VNCH hầu dùng làm bàn đạp tràn xuống đồng bằng, duyên hải, nhưng chúng đã bị thảm bại trước một lực lượng VNCH, với chỉ duy nhất mỗi Sư Đoàn 23 BB cùng 3 Tiểu Đoàn Pháo Bình, và 1 Chi Đoàn chiến xa M-41 cơ hữu, đặc biệt được Không Quân (giai đoạn đầu có B-52 của Hoa Kỳ) yểm trợ. Điều này đủ để chứng tỏ khả năng chiến đấu của Quân Lực VNCH.

Ngay trong trận chiến đầu tiên tại tuyến Tây-Bắc Kontum, vào sáng ngày 14/5/1972, cả hai Trung Đoàn 28 và 64 của Sư Đoàn (Thép) 320 CS cùng 1 Tiểu Đoàn xe tăng bị tiêu diệt, làm cho cả Sư Đoàn có tiếng, kỳ cựu này bị kiệt quệ, không còn khả năng chiến đấu. Sau đó chỉ đúng 10 ngày, sáng sớm ngày 24/5/1972. trong trận tấn công cùng lúc vào Tòa Giám Mục, Bệnh Viện 2 Dã Chiến, và vòng đai phi trường Kontum, cả Trung Đoàn 52 thuộc Sư Đoàn 2 (Quảng Đà) mới tăng cường từ vùng Quảng Nam vào, bị đánh tan, đã phải giải thể. Một số lớn cán binh của Trung Đoàn 141 thuộc Sư Đoàn này bị bắt và ra hồi chánh. (Những thất bại này CSBV đã phải công nhận qua chính các hồi ký, quân sử của họ)

Chiến thắng Kontum vào Mùa Hè 1972 của đơn vị chúng tôi ở Quân Đoàn II, cùng lúc với Bình Long ở Quân Đoàn III và Quảng Trị ở Quân Đoàn I đã bẻ gãy ý đồ thôn tính VNCH của CSBV, khi lợi dụng việc Hoa Kỳ vừa rút hết quân về nước, đồng thời cắt giảm tối đa quân viện cho VNCH, sau chiêu bài “Việt Nam Hóa Chiến Tranh”.

Nhưng rồi Hiệp Định Paris ngày 27/1/1973 như một trận gió chướng tàn độc, cuốn trôi hầu hết những chiến công mà chúng tôi đã phải trả bằng biết bao máu xương để đạt được, cùng lúc làm tiêu hao hào khí mà quân sĩ đơn vị chúng tôi vừa dâng cao trong men say chiến thắng. Hiệp định Paris mà Hoa Kỳ và Bắc Việt đã thỏa hiệp, ký kết trên nỗi đau thương, phần uất cùng thân xác của những người lính khôn khổ chúng tôi, chính là huyết mội do chính Hoa Kỳ đào lên nhằm chôn sống quân lực và cả quốc gia đồng minh VNCH sau đó.

Ủy Ban Nobel Hòa Bình Na-uy năm 1973 đã phải vô cùng xấu hổ và ân hận khi có một quyết định vội vã, sai lầm, trao giải cho Henry Kissinger và Lê Đức Thọ. Bị cả thế giới và nhiều dân biểu Na-uy phản đối, một số thành viên bất mãn rút tên ra khỏi Ủy Ban. Sau đó chính Lê Đức Thọ đã phải từ chối nhận giải, vì hơn ai hết, chính cá nhân ông ta và cả Bộ chính trị Đảng CS đều biết trước là sẽ không hề có hòa bình, bởi họ đã mưu đồ từ trước, không hề tôn trọng hiệp định mà chỉ lợi dụng những kẽ hở có toan tính, để đẩy mạnh cuộc chiến nhằm sớm cưỡng chiếm Nam Việt Nam.



Hiệp định mang tên Hòa Bình, nhưng kỳ thực chỉ là hình thức ngưng bắn kiểu “đa beo”, để các lực lượng CSBV không phải rút về Bắc mà được tiếp tục hiện diện hợp pháp tại các phần đất mà chúng vừa lấn chiếm, cùng lúc Hoa Kỳ cắt hết viện trợ quân sự cho VNCH để đổi lấy tù binh, trong khi CSBV vẫn được Trung cộng, Liên Xô cùng khối CS gia tăng tối đa viện trợ. Lợi dụng tình hình này, CSBV đã ào ạt chuyển đại quân, chiến xa, vũ khí, đạn dược, nhiên liệu vào chiến trường miền Nam theo đường mòn Hồ Chí Minh, và một số từ Lào sang để gia tăng cường độ các cuộc tấn công, trong khi chúng tôi phải chiến đấu trong những điều kiện vô cùng khó khăn, thiếu thốn, từ quân số, vũ khí, đạn dược, nhiên liệu, đến mọi phương tiện khác.

Hồi tưởng thời gian này, tôi bỗng thấy đồng cảm và thâm thía với tâm trạng của người lính trẻ Paul Bäumer, nhân vật chính trong “All Quiet On The Western Front” (Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh), tác phẩm viết về chiến tranh nổi tiếng của nhà văn Đức, Erich Maria Remarque, mặc dù tình huống tương tự đã xảy ra từ thời Đệ Nhất Thế Chiến, hơn 55 năm trước:

*“Ngày tháng trôi qua. Mùa hè 1918 này là mùa hè đẫm máu và kinh hoàng nhất. Thời gian giống như những thiên thần đang bay lượn trên vùng hủy diệt một cách không thể hiểu nổi. Đường như ai cũng biết rằng chúng tôi sẽ phải thua trong cuộc chiến này. Nhưng rất ít ai nói ra điều ấy. Chúng tôi đang bị đẩy lui. Chúng tôi không còn đủ quân số, không đủ tiếp liệu, đạn dược để có khả năng phản kích sau cuộc tổng công kích này. Duy chỉ có các chiến dịch hành quân là còn đang tiếp diễn – và những cái chết sẽ vẫn còn tiếp tục...”*

Là những người trực tiếp chiến đấu, cận kề quân sĩ, chúng tôi đã phải xót xa, đau đớn đến dường nào khi chứng kiến đồng đội của mình ngã xuống mỗi ngày trong tình trạng tức tưởi, oan khiên như thế!

Hơn mười năm phục vụ trong một đơn vị Bộ Binh bình thường, nhưng chúng tôi chưa hề một lần chiến bại, ngay cả những trận chiến gay go, đẫm máu nhất, với lực lượng địch đông gấp nhiều lần và vũ khí tối tân hơn, điển hình như trận chiến Kontum. Vậy mà bỗng dưng chúng tôi trở thành những người bại trận. Bi thảm và tủi nhục hơn là dù có “gậy súng”, “buông súng” hay không, chúng tôi cũng bị thuộc về bên phía “đầu hàng” theo lệnh của ông tướng mới lên làm tổng thống ba ngày, nhân danh Tổng Tư Lệnh. Sau này, có người bảo ông làm đến đại tướng mà ngây thơ, nghe theo lời dụ dỗ, móc nối của ai đó và một người em ở phía bên kia, tin Cộng sản sẽ thành lập “chính phủ ba thành phần”. Có người lại bảo ông giành chức tổng thống chỉ để làm một điều duy nhất – đầu hàng. Cũng có người bênh vực, bảo nhờ ông đầu hàng nên tránh được một cuộc tắm máu, và có đủ thời gian cho một số người kịp chạy đến Subic Bay hay đảo Guam, sang Mỹ sớm. Là những thằng lính khốn khổ nhất, năm tháng chỉ ở trong núi rừng, dưới các giao thông hào, ngộp thở với tiếng bom đạn cùng bao nhiêu thứ lệnh lạc chiến trường, chúng tôi đâu có biết gì về chính trị bản thủ, nhất là các biến cố dồn dập, hỗn độn trong những ngày tháng cuối cùng tại thủ đô Sài Gòn.

\*\*\*

Trong chiến tranh, thắng bại dù sao cũng là lẽ thường tình. Cuộc nội chiến Mỹ 1861–1865, Nam quân đã đầu hàng Bắc quân, và trong Đệ Nhị Thế Chiến, nước Nhật hùng mạnh đã phải đầu hàng quân đội đồng minh, sau khi hai quả bom nguyên tử do Mỹ thả xuống thành phố Hiroshima và Nagasaki. Kẻ chiến thắng đã hành xử văn minh, nhân bản như thế nào, cho dù các cuộc chiến ấy cũng vô cùng tàn khốc, cướp đi rất nhiều sinh mệnh của hai bên – cả dân lẫn lính. Nhưng cuộc bại trận của chúng tôi sao mà phần uất và đau đớn quá.

Bị đồng minh phản bội, bỏ rơi trong đành đoạn, tức tưởi. Thua một kẻ địch không đáng để thua. Một chế độ tự do nhân bản, văn minh, phồn thịnh lại phải đầu hàng một chế độ man rợ, nghèo nàn, lạc hậu. Có lẽ trong lịch sử chiến tranh Đông–Tây, chưa từng có những người lính nào ở phe thắng trận lại ngời khóc ở vệ đường trên phần đất vừa mới chiếm được – như trường hợp nhà văn bộ đội CS Dương Thu Hương và nhiều người khác nữa – bởi nhận ra mình bị lừa dối, uổng phí cả một thời trai trẻ để đi “giải phóng” một miền đất tự do, văn minh, nhân bản, giàu có, hạnh phúc gấp vạn lần “miền Bắc xã hội chủ nghĩa” của mình.

Đến hôm nay, cuộc chiến oan nghiệt ấy đã kết thúc vừa đúng nửa thế kỷ. Hầu hết những dấu tích chiến tranh trên quê hương đã bị “bên thắng cuộc” chôn xóa, hủy diệt, ngoại trừ một số rất ít được chọn lọc, tô son thếp vàng, trưng bày trong các viện bảo tàng, nhằm để tô vẽ, tuyên truyền. Trong số chứng tích còn sót lại là những nắm mồ xác xơ của hàng vạn tử sĩ miền Nam, nằm trong các nghĩa trang tiêu điều hoang phế, bị kẻ chiến thắng đập phá, hủy hoại, nhục mạ. Thực ra, họ rất muốn phá hủy hoàn toàn cho sạch hết chứng tích cuộc chiến mà chính họ đã làm hoen ố lịch sử dân tộc một thời, như đã từng san bằng, giải tỏa một số các nghĩa trang quân đội ở các tỉnh miền Trung, nhưng sợ dĩ một số ít nghĩa trang lớn còn sót lại, dù trong tình trạng bị phá hủy, thay tên gọi (như NTQĐ Biên Hòa trở thành một nghĩa trang dân sự địa phương lạ lẫm nào đó), chỉ nhằm để kiếm lợi trong các cuộc tuyên truyền, thương lượng, đổi chác với Hoa Kỳ cùng Thế Giới Tự Do, và cũng để gạt gẫm, lừa mị đồng bào miền Nam hầu ngụy tạo một chút gì cái “tình dân tộc” trong chiêu bài “hòa hợp hòa giải”.

Mới đây, có người phát hiện Nghĩa trang Sư Đoàn 22BB hoang phế nằm lẫn khuất trong một vùng núi rừng Bình Định. Cây cỏ và cả rác rến gần như che lấp hàng ngàn mộ phần tử sĩ rêu phong. Một số đồng đội, nhà hảo tâm trong và ngoài nước cùng hô hào đóng góp, nhờ một số các anh chị em còn nặng tấm lòng với miền Nam trong nước tiếp tay, phát quang, sơn sửa, kẻ lại tên tử sĩ và dựng lại các tấm bia gãy đổ. Vậy mà, sau đó họ đã bị chính quyền CS đe dọa, ngăn chặn, gây bao phiền muộn. Kẻ hoạch trùng tu “kín” một số nghĩa trang hoang phế khác trong vùng cũng vì đó mà đành phải hủy bỏ.

Hàng vạn trại tù vôi vàng được dựng lên sau tháng 4/1975, trên khắp mọi miền đất nước, nhằm đầy ải, hành hạ, giết dần mòn gần một triệu quân cán chính, trí thức, văn nghệ sĩ, kể cả nhà sư và linh mục miền Nam. Giờ hầu hết những trại nằm trong rừng sâu, núi thẳm đã biến mất, một số trại tù lớn ở các thành phố thì đã được nâng cấp, sửa sang để trở thành những trại giam lớn của tỉnh hay cấp nhà nước. Tuy nhiên cứ thi thoảng người dân lại phát hiện một số nấm mồ “tù cải tạo” nằm sâu trong núi rừng Lào Cai, Yên Bái hoang vu, giờ chỉ còn mỗi tấm bia xám xịt rêu phong, lẫn khuất dưới cỏ cây từ gần 50 năm trước.

Một chứng tích đau lòng khác, những thương binh VNCH bị đối xử tệ hại, đang phải sống từng ngày khốn cùng trong nước, Phần đông, theo thời gian đã chết do nghèo đói, bệnh tật. Số còn lại cũng đã già nua, sống lầy lắt trên các vỉa hè góc phố. Vậy mà họ vẫn không yên với một chế độ thiếu vắng tính nhân bản, tình tự dân tộc, luôn nặng hận thù. Với nghĩa tình cùng lòng tri ân của những đồng đội, đồng bào từ hải ngoại và cả trong nước, vận động gom góp về, qua các vị Linh mục nhân từ thuộc Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn, để các vị tổ chức mỗi năm một, hai lần buổi họp mặt “Bên nhau đi nốt cuộc đời”, như là một chút ủy lạo trong tinh thần huynh đệ chi binh và biết ơn những người đã hy sinh một phần thân thể, vậy mà chính quyền CS cũng đã tìm mọi cách gây khó khăn, đe dọa, ngăn chặn cấm đoán, để cuối cùng phải hủy bỏ.

Chứng tích quan trọng và sinh động hơn, là sự hiện diện của hơn 5 triệu người Việt đã phải bỏ nước ra đi, đang sống lưu vong trên khắp mặt địa cầu. Sau tháng 4/1975, cả một miền Nam “thua cuộc” đã nhanh chóng trở thành một vùng đất chết, khốn cùng, bi thảm. Người dân có cảm giác như bị lưu đầy ngay trên chính quê hương mình. Tương lai chỉ còn là những cơn ác mộng. Thời ấy, mọi người chỉ còn biết nhìn ra biển khơi mệnh mông để ước mơ một sự đổi thay nào đó ở phía bên kia chân trời mịt mờ vô định. Và còn gì đau đớn hơn khi con người nghĩ tới chuyện phải bỏ quê hương ra đi lại là một niềm khát vọng! Trong suốt lịch sử thăng trầm của dân tộc, chưa có thời kỳ nào mà người dân phải bỏ cả quê hương, nhà cửa, mồ mả ông bà cha mẹ để vượt thoát ra đi trong cái chết. Chính quyền CS từng tuyên truyền, bôi xấu họ là bọn phản quốc chạy theo chân đế quốc nhằm tìm chút bơ thừa sữa cặn, để rồi không lâu sau đó lại âu yếm, chiêu dụ, gọi họ là những “khúc ruột ngàn dặm”, những “sứ giả” của quê hương, dân tộc. Thực chất, các cộng đồng người Việt tỵ nạn trên hầu hết các quốc gia tự do – mà chính quyền CS vẫn luôn xem là “các thế lực thù địch” – đa phần đã thành công vượt bậc tại các quốc gia định cư, thể hệ con cháu thành đạt trên đủ mọi lãnh vực, từ giáo dục, khoa học kỹ thuật, chính trị, quân sự, văn học, âm nhạc. Đó là những đóng góp rất tích cực cho các quốc gia đón nhận họ, nhưng cũng là những chất xám quý báu mà chính quyền CS trong nước hằng mơ ước.

Trong suốt 50 năm, kẻ chiến thắng đã cố tình biến miền Nam, vùng đất tự do văn minh hạnh phúc xinh đẹp một thời, trở nên nghèo nàn, khốn khổ hơn so với cái nôi “cách mạng” miền Bắc, nhưng rồi dù có bị đàn áp, bần cùng hóa phân biệt đối xử đến đâu, người miền Nam vẫn luôn giữ được văn minh, nhân bản, và đất miền Nam vẫn luôn đáng yêu, đáng sống. Đã có hàng triệu triệu người dân miền Bắc bỏ quê cha đất tổ tìm vào đất



phương Nam, mong được đổi đời. Mật độ dân số miền Nam, đặc biệt tại Sài Gòn ngày một đông đúc, có khi gấp gần 5 lần so với tháng 4/1975, nhà cửa, cao ốc thi nhau dựng lên bừa bãi, đến nỗi nhiệt độ trở nên nóng bức trong cả mùa đông, và nhiều con đường phố đã trở thành sông, chỉ sau một cơn mưa, dù không lớn lắm. Ngay cả các tỉnh Cao Nguyên, miền Trung, giờ cũng đầy những người miền Bắc bỏ xứ vào đây lập nghiệp, giành nương chiếm rẫy của những người Thượng, vốn từng bao nhiêu đời khai sơn phá thạch, sống chết ở đây.

50 năm, nền giáo dục “xã hội chủ nghĩa” lạc hậu, xuống cấp đã làm cho bao thế hệ học trò trở nên thua kém rất xa so với thế giới chung quanh. Đến nỗi một cô giảng viên trường Đại học sư phạm (Thái Bình) đã công khai trong một chương trình trên truyền hình Hà Nội, rằng “Tự Lực Văn Đoàn là một gánh cải lương, và ông Nhất Linh là ca sĩ cô nhạc”. Tệ hại và tủi nhục hơn là tình trạng tha hóa trong ngành giáo dục, kể cả thầy giáo và học trò, Chuyện thầy giáo gạ tình, hiếp dâm nữ sinh cũng như chuyện học trò, kể cả nữ sinh, đánh nhau và đánh luôn cả thầy cô giáo, gần như là chuyện thường tình.

Đặc biệt, ngôn ngữ Việt (cả tiếng nói lẫn chữ viết) bị biến cải một cách tùy tiện, ngớ ngẩn, kể cả muốn Tàu hóa như trường hợp ông giáo sư tiến sĩ Bùi Hiền nào đó. Lịch sử (và môn Sử học) được dựng lên từ bao điều dối trá. “Anh hùng Lê Văn Tám” được xây tượng đài, đặt tên cho các con đường lớn, công viên, trường học, bắt học trò cả nước phải học tập, noi gương như một vị anh hùng. Thực chất, lại là một người không hề có thật, mà chỉ là nhân vật tưởng tượng trong một phim truyện của đạo diễn Phan Vũ, nhằm để tuyên truyền. Thực chất, lại là một người không hề có thật, mà chỉ là nhân vật tưởng tượng trong một phim truyện nhằm để tuyên truyền. Chính ông GS Trần Huy Liệu, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử VN đã thú nhận với GS Phan Huy Lê, nhân vật Lê Văn Tám là do mình “dựng” nên và nhờ GS Phan Huy Lê sau này khi đất nước yên ổn, nói lại giùm, lỡ khi đó ông Trần Huy Liệu không còn nữa. (GS Phan Huy Lê: Trả lại sự thật hình tượng Lê Văn Tám, Khoa Đông phương học). Và ông Phan Huy Lê đã công bố sự thật này vào tháng 2 năm 2005, nên người dân trong nước đều biết câu chuyện gian dối lừa mị này, vậy mà đảng và nhà nước vẫn không hề một lời lên tiếng.

**50 năm, nền văn học “xã hội chủ nghĩa” còn lại những gì, ngoài mấy trăm bài thơ nịnh Bác của đám văn nô, tiêu biểu cỡ Tố Hữu:**

*“Ta bên người, người tỏa sáng trong ta  
Ta bỗng lớn bên Người một chút...”*

hay

*“Xta-lin ơi!  
Hỡi ôi Ông mát,  
đất trời có không?  
Thương cha, thương mẹ, thương chồng*

*Thương mình thương một, thương Ông thương mười.”*

Cùng các bản nhạc “đỏ”:

- Bác đang cùng chúng cháu hành quân,
- Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây,
- Tiếng Chày Trên Sóc Bam Bo,
- Năm Anh Em Trên Một Chiếc Xe Tăng,
- Cô Gái Vót Chông...

mà đám văn công hát đi hát lại trong mấy ngày lễ lớn, và tất nhiên chẳng ai còn muốn nghe, với họ có khi đó chỉ là một cách “tra tấn” thính giác của con người!

Nhưng 50 năm với những bản tình ca miền Nam, một thời bị cho là nhạc vàng, cấm đoán, đến nỗi có người hát (như Toán Xôm, Lộc Vàng) đã từng bị đàn áp, tù đầy để người phải bỏ mình, người thì gần cả một đời khốn đốn, giờ lại làm mê mẩn say đắm mọi người lớn nhỏ, kể cả những “đồng chí lãnh đạo”, công an, bộ đội... từ Nam ra Bắc, từ thành phố cho đến các hang cùng ngõ hẻm, vùng sâu vùng xa. Mà oái ăm thay, đa phần những bản nhạc tình ca này lại viết rất đẹp về lính VNCH, người lính “bên thua cuộc”.

Trong một bài tiểu luận viết vào ngày 1/1/2022, dưới nhan đề “Níu một thời, giữ một đời”, nhà văn Ban Mai, một trí thức trẻ của chế độ (giảng viên tại Trường Đại Học Quy Nhơn) đã viết:

*“Việt Nam, sau năm 1975 kết thúc chiến tranh giữa hai miền Nam – Bắc. Hòa bình đã đến sau mấy thập niên tang tóc vì bom rơi, đạn nổ.*

*Thế nhưng, người Miền Nam đã không thể tưởng tượng nổi, tiếp sau đó là một thảm cảnh kinh hoàng... Trầm trọng hơn nữa: Sự xơ xác tinh thần của trí thức Miền Nam không còn được tự do trình bày suy nghĩ, không còn được tự do hấp thụ tri thức nhân loại. Thay vào đó là những đợt học tập chính trị triền miên, theo một định hướng duy nhất: Chủ nghĩa Marx. Tất cả sách báo, văn học nghệ thuật bị tịch thu tiêu hủy, nền văn chương Miền Nam hoàn toàn bị bôi xóa. Giống như thời man rợ của Tần Thủy Hoàng năm 210 trước công nguyên...*

*Bắt đầu sau năm 1975, những thế hệ sinh ra và lớn lên ở Việt Nam không hề biết đã từng có một nền văn học nghệ thuật Miền Nam vô cùng giá trị với nhiều thể loại ‘trăm hoa đua nở’, đề cao tự do, dân chủ, với ý thức khai phóng, nhân bản, theo kịp trào lưu thế giới...”*

Bên trong nước, mấy năm gần đây có một bạn trẻ Nguyễn Trường Trung Huy ở Sài Gòn cũng dày công sưu tầm Văn học Miền Nam và bộ sưu tập của bạn ngày một đồ sộ đáng cho ta kinh ngạc, đó là một kỳ công. Tôi tin rằng, trên đất nước Việt Nam này có nhiều

người thâm lặng âm thầm tìm kiếm, lưu giữ một nền văn chương nhân bản mà ta tưởng rằng đã chết sau năm 1975. Ngày nay, giới nghiên cứu văn học trong nước đang ngày càng tìm kiếm để nghiên cứu. Mới đây trong một đề thi luận văn bậc trung học phổ thông, có một giáo viên đã đem bài thơ “Ta về” của Tô Thùy Yên cho học sinh bình giảng, với những câu thơ đầy tính nhân văn:

***“Ta về như lá rơi về cội  
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay  
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống  
Giải oan cho cuộc biển dâu này”.***

(Tô Thùy Yên là một sĩ quan VNCH, từng bị tù đầy qua nhiều trại giam trong gần 13 năm, sau tháng 4/1975)

Tuy đây chỉ mới là một hành động đơn lẻ nhưng đó là một tín hiệu vui.

“Tôi tin rằng, sẽ không còn bao lâu nữa dòng Văn chương Miền Nam (1954–1975) sẽ được đưa vào giảng dạy chính thức trong nhà trường, nó xứng đáng được trả về với đúng vị trí của nó trong tiến trình phát triển văn học Việt Nam hiện đại, không ai và không một thể chế nào có thể bôi xóa một thời đại lịch sử của nước nhà. Giữ gìn, bảo tồn, và chia sẻ Văn học Miền Nam cho đời sau là trách nhiệm của chúng ta, của tôi, và các bạn những người yêu tiếng Việt, những người yêu văn chương Việt Nam”.

Một vị giáo sư khác trong nước, chuyên nghiên cứu về Văn Học Việt Nam đã khẳng định *“Trong hai thập niên 1955–1975, nếu không có Văn Học Miền Nam, thì nền Văn Học Việt Nam xem như không hề có, hoặc chẳng có gì cả!”*

Nhà thơ, nhà giáo cũng là nhà báo nổi tiếng miền Bắc, Hoàng Hưng, trong bài viết “Về ảnh hưởng của Văn hóa miền Nam (VNCH) sau 1975”, sau khi hết lời ca ngợi lối sống, văn hóa, văn học miền Nam, đã kết luận:

*“... nhìn một cách tổng thể, toàn bộ đời sống miền Nam, trong đó có đời sống văn hoá, văn học, trong 45 năm qua đã dần dần ‘giải phóng’ người dân miền Bắc khỏi cái nhà tù lớn trong đó con người bị buộc phải giả tạo, ‘gồng mình’ hoặc bị mê hoặc mà mù quáng tuân phục trong thời chiến và theo ‘định hướng XHCN’....*

*Đến nay nó vẫn tiếp tục đóng góp vào tiến trình ‘giải Cộng’ gian lao của đất nước! Chắc chắn sẽ đến một ngày, đất nước chứng kiến một cuộc phục hưng văn hoá, văn học, đi tiếp con đường mà văn hoá, văn học miền Nam đã đi. Con đường Tự Do, Nhân Bản, Hội Nhập Quốc Tế.”*

\*\*\*

Sau 50 năm, tất nhiên đất nước cũng đã có những đổi thay nhất định. Cơ sở hạ tầng, đặc biệt tại các đô thị có nhiều phát triển, đời sống người dân ở đây có khá hơn so với nông thôn. Tuy nhiên trên thực tế, Việt nam vẫn còn tụt hậu khá xa so với nhiều nước chung quanh. Chính ông TBT Tô Lâm mới đây đã công khai tuyên bố:

***“Cách đây 50 năm vào những năm 1960–1970, Singapore chỉ mong được sang Bệnh viện Chợ Rẫy (Sài Gòn) để chữa bệnh, giờ thì ta lại ước mơ được vào khám bệnh ở Singapore.”***

Theo thống kê của IMF (International Monetary Fund/Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế), lợi tức tính theo đầu người ở Việt Nam cho năm 2025 là 4,986 Mỹ kim (Mk), trong khi ở Singapore là 93,956 Mk, và so với hầu hết các quốc gia Đông Nam Á khác, mức sống của người dân Việt nam đều rất thấp:

- Hàn Quốc (Nam Hàn): 37,675 Mk
- Nhật Bản: 35,611 Mk
- Đài Loan: 34,944 Mk
- Malaysia: 14,423 Mk
- Thái Lan: 7,754 Mk.

Tệ hơn, Việt nam còn thấp hơn nhiều so với cả Mông Cổ (Mongolia), một nước chỉ có đồng cỏ và sa mạc, với lợi tức trung bình của người dân năm 2025 ở đây là: 7,576 Mk.

Điều đặc biệt đáng chú ý hơn là trong hầu hết các quốc gia Đông Âu, mới gần từ chế độ CS khoảng 30 năm nay, người dân đều có lợi tức cao hơn nhiều so với Việt Nam (4,896 Mk).

- Tiệp Khắc (Czech Republic) = 33,038 Mk
- Hung Gia Lợi (Hungary) = 25,703 Mk
- Ba Lan (Poland) = 25,040 Mk
- Lỗ Ma Ni (Romani) = 21,570 Mk
- Bảo Gia Lợi (Bulgari) = 18,456 Mk.

Tuy vậy, chủ trương làm “kinh tế thị trường (với cái đuôi) theo định hướng XHCN” thực tế cũng đã làm giàu nhanh chóng cho hầu hết tầng lớp đảng viên, gia đình, và phe nhóm, đưa họ sớm trở thành những nhà tư bản “đỏ”, đào thêm cái hố ngày càng sâu giữa giai cấp giàu (đảng) và nghèo (dân). Điều này hoàn toàn trái ngược mục tiêu “đấu tranh giai cấp” mà đảng CS từng hô hào; đấu tố, giết hại đã man hàng mấy vạn người vô tội trong “Cải Cách Ruộng Đất”, lộ rõ chiêu trò lừa gạt “giải phóng miền Nam”, và hiện nguyên hình một đám thảo khấu khi chủ trương “tiêu diệt tư sản mại bản” rất tàn độc ngay sau khi cướp được miền Nam.

Sự làm giàu bộc phát (và bất chính) của tầng lớp tư bản đỏ này đã kéo theo hiện tượng xuống cấp từ Giáo Dục, Văn Hóa, Y Tế, tha hóa về Đạo Đức, Xã Hội, và cả Tôn Giáo. Đặc biệt nhất là vấn nạn thối nát, tham nhũng – tất nhiên ngay trong hàng ngũ đảng CS, kể cả những lãnh đạo cao cấp nhất, từ hàng tướng lãnh, thứ bộ trưởng, thủ tướng đến cả chủ tịch nước – như là một thứ quốc nạn không còn thuốc chữa. Chức quyền được chuyển tay theo kiểu “cha truyền con nối”, “gia đình trị” của thời phong kiến. Đảng đứng trên pháp luật, thu tóm mọi quyền lực, tài sản quốc gia. Đảng viên sống phê phỡn giàu sang trên đầu những người dân cùng khổ. Đám con cháu, những “hạt giống đỏ”, được đưa sang du học tại các trường tư nổi tiếng ở các nước tư bản, tất nhiên bằng tiền của nhà nước hoặc từ tham nhũng, chuẩn bị cho các vai trò kế vị.

Một ông thủ tướng (sau đó là chủ tịch nước) từng mở miệng khoe khoang “Việt nam bây giờ đang là một đất nước đáng sống nhất, cái cột đèn ở hải ngoại mà có chân thì cũng đã chạy hết về VN” (sic!). Trong khi ấy, hàng vạn cô con gái phải bỏ cha mẹ, người tình sang làm vợ cho những ông già bệnh hoạn, tàn tật ở tận Đài Loan, Nam Hàn, như một thứ nô lệ, kể cả nô lệ tình dục. Nhiều cô không liên lạc được với gia đình, Một số bị giết chết hoặc bị bán vào các động mãi dâm. Tại một số nước Á châu, báo chí công khai quảng cáo dịch vụ “mua vợ Việt Nam” với giá bằng một món đồ chơi rẻ mạt. Trong lịch sử dân tộc, dù có những giai đoạn lệ thuộc khó khăn, nhưng không có thời kỳ nào mà thân phận những người con gái, đàn bà Việt Nam lại rẻ rúng và thê lương như thế. Chính quyền đã “xuất khẩu” hàng vạn, hàng trăm ngàn người lao động đi khắp thế giới, ngay cả những nước nghèo ở tận châu Phi, nhằm kiếm sống và kiếm thêm ngoại tệ cho nhà nước. Đã vậy vẫn cứ tiếp tục những dòng người tìm mọi cách trốn khỏi Việt nam, để một số phải chết ngạt trong những chiếc xe đông lạnh, kín mít, một số phải sống trong núi rừng, trồng á phiện và bị bắt, vì không có quốc gia nào chấp nhận để dung thân. Một sự kiện đáng xấu hổ, khi nhóm chín người tháp tùng chuyên cơ của bà Chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Thị Kim Ngân trong chuyến viếng thăm “hữu nghị” Hàn Quốc, vào đầu tháng 12/2018, đã bỏ trốn khi vừa mới bước chân lên đất khách. Đó là chưa kể một số ra nước ngoài chỉ để ăn cắp, làm gái điếm, đến nỗi cái “hộ chiếu” Việt nam đã từng trở thành nổi ô nhục.

\*\*\*

Sau đúng 50 năm, tại Sài Gòn, trước cả mấy tháng, nhà nước CSVN đang chuẩn bị rầm rộ mừng ngày “Thống Nhất”, thao diễn một cuộc diễn binh rất qui mô mà tốn phí dự trù hàng chục triệu Mỹ kim, vẫn với lời ca “thề phanhtây uống máu quân thù”, vẫn với các khẩu hiệu “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, hùng hực không khí kiêu ngạo, hận thù. Trong khi ấy, đã có những anh bộ đội có mặt trong đoàn quân giải phóng ngày nào, theo chân nhà văn Dương Thu Hương (ngồi khóc ở vệ đường, khi nhận ra mình bị lừa gạt để chém giết đồng bào, hủy hoại cả một miền Nam nhân bản, văn minh, giàu đẹp) giờ cũng đã tốt cùng ăn năn hối hận, như trường hợp cựu cán binh Bình Ngọc với bài thơ “**Xin Lỗi Thằng Tư!**”:

*Thời trai trẻ, gác bút nghiên, gác mọi ước mơ... lên đường “đánh Mỹ!”*



Cây súng trên vai, máu đỏ trong tim!  
Mụ lí trí! Hùng hục vượt Trường Sơn.  
Đêm nghỉ, ngày đi, giày vệt gót, áo sờn vai thấm lạnh!  
Mẹ còng lưng vất kiệt sức, mỗi mòn, thao thức đợi con về!  
“Ba mươi tháng Tư” Bên Thắng cuộc, hả hê  
Con trở thành kẻ “kiêu binh!” trong đoàn “quân Giải phóng!”  
Nhưng! Ba mươi tám năm sau con vô cùng thất vọng!  
Không hiểu mình đi Giải phóng cho ai?  
Chễm chệ trên cao, toàn những kẻ bất tài!  
Đáy xã hội, nhiều “dân oan!” mất đất.  
Những nghịch lý, tai ương... chồng chất!  
Khoảng cách “sang, hèn” cứ rộng mãi ra.  
Người ở “quê” không còn tha thiết với “ao nhà”.  
Tràn vào Miền Nam “ngọa, chiếm, xâm canh... từ núi, rừng, chợ búa, thị thành, lầu cao, gác tía....!”

Đi đâu, ở đâu cũng gặp toàn người “ngoài ấy”.

...

Nhà cửa, ruộng vườn ngoài ấy họ bỏ hoang???  
Quê Hương tôi, tên thật đẹp (làng Vàng).  
Cũng có đình, chùa, bờ xôi, ruộng mật!  
Không hiểu vì sao nhiều người “bỏ tất” để vào Nam chen lấn, đua đòi?

Riêng tôi!

...

Đã mấy năm nay, tôi đã làm kẻ “chạy trốn!”  
Trốn khỏi “sai lầm” những năm, tháng... đã đi qua!

...

Mỗi tháng Tư về tôi lại nhớ vào Nam!  
Xin lỗi! “tháng Tư!”  
Xin lỗi! Miền Nam, những việc tôi đã làm!  
Xin lỗi tất cả!  
Cả những người “bên thua cuộc!”  
Biết sao được!  
Mọi người chúng ta sinh ra, đâu có thể chọn được thời cuộc  
Nhưng! Lễ đời, Đen, trắng phải phân minh!  
Xin lỗi! “tháng Tư!”  
Hãy tha thứ cho mình! Rất chân thành, chứ không phải lời giả dối.

Hay trường hợp của Trần Đức Thạch, cựu Phân đội trưởng trinh sát, Tiểu Đoàn 8, Trung Đoàn 266, Sư Đoàn 341, Quân đoàn 4, qua các bài thơ:

## **Tạ Lỗi Miền Nam**

*Tôi sinh ra ở miền bắc  
Không hình dung ra giặc thế nào  
Người ta hô hào  
Phải căm thù giặc...?  
Người ta dạy tôi là người miền bắc  
Phải biết thương yêu đồng bào miền nam  
Bà con ruột thịt đang làm than  
Dưới gót giày của Mỹ Diệt...  
Những người con nông dân thật thà như đếm  
Mặc áo lính vai khoác súng lên đường  
Hồn nhiên tin là đi bảo vệ tổ quốc quê hương  
Đánh đuổi quân xâm lược...  
Thống nhất đất nước  
Mới ngó ra “Quân ta đánh dân mình  
Miền nam giàu và dân sống văn minh  
Không đói khát vật vờ như dân miền bắc...”  
Hận ngút trời đũa nào lừa tuổi xuân tôi coi dân mình là giặc!  
...*

## **Sám Hối**

*Thế hệ chúng tôi tội lỗi ngập đầu  
Nhìn con cháu lòng muôn hổ thẹn...  
Thế hệ chúng tôi một thời chinh chiến  
Thắng lợi mang về là xua đuổi văn minh  
Thắng lợi mang về là làm khổ dân mình  
Để đều cáng lên ngôi gậy tội ác  
Thế hệ chúng tôi hoàn toàn làm lạc  
Quên dân tộc mình theo chủ nghĩa Mác Lê Nin  
Bệnh hoạn tư duy méo mó cách nhìn  
Gieo thù hận trong lòng con cháu  
Thế hệ chúng tôi đổ bao xương máu  
Chẳng ý nghĩa gì khi dân tộc điêu linh  
Chẳng ý nghĩa gì khi đất nước tanh bành  
Lãnh thổ giang sơn bị ngoại bang gặm nhấm  
Thế hệ chúng tôi cuộc đời cay đắng lắm  
Mất chính mình mang tội ác với tương lai.*

Riêng những người lính miền Nam, sau nhiều năm bị tù ngục, đọa đày, nhiều gia đình ly tán, lưu lạc khắp bốn phương trời, nếu còn sống sót giờ cũng đã trên dưới 80, nhưng vết

thương từ cuộc chiến bất hạnh ấy vẫn mãi luôn âm ỉ trong lòng. Một quãng đời trai trẻ, những vinh nhục, những đớn đau tức tưởi trong giờ khắc phải buông súng, cùng những món nợ máu xương chưa trả được cho đồng đội anh em, rồi cùng sẽ xót xa theo họ về cõi vô cùng.

Xin được đồng cảm với tâm sự của một đồng đội đàn anh, nhiều năm chiến đấu bên nhau, từng là một cấp chỉ huy trẻ tuổi, thao lược:

*“Tuổi đời chồng chất, sức khỏe và những hăng say của tuổi thanh xuân ngày tháng nguội dần. Tôi thấy cuộc sống mình hụt hẫng hoang mang. Mỗi năm lại vắng thêm đồng đội và rồi một ngày nào đó, cũng sẽ tới lượt mình. Điều tự nhiên này, thực chất chẳng phải là nỗi ưu tư bởi vì đó là quy luật. Nhưng điều làm tôi suy ngẫm là ý nghĩa về cuộc đời của chính mình, thế hệ chúng ta, qua những việc đã làm, những đau thương đã trải... thực sự là gì, hoặc chẳng là gì hết?”*

**Phạm Tín An Ninh**

Cuối tháng 4/2025

---

nguồn: internet eMail by **lý trung tín** chuyển

Đăng ngày Thứ Năm, June 5, 2025  
tkd. Khoá 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH